TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **87**/2025/QĐST-HNGĐ	*Sơn Dương, ngày 09 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 93/2025/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đàm Thị N**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

-*Bị đơn*: Anh **Hà Dương Đ,** sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Đàm Thị N** và anh **Hà Dương Đ**.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2011, ngày 27 tháng 6 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Hà Đàm Kim T, sinh ngày 18/9/2013 và cháu Hà Đàm Dương Đ1, sinh ngày 15/02/2016 cho anh Hà Dương Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Đàm Thị N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Hà Dương Đ và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- ***Về tài sản chung:*** Chị Đàm Thị N và anh Hà Dương Đ đều xác không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Đàm Thị N và anh Hà Dương Đ đều xác định không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đàm Thị N phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003310010, ngày 18/3/2025 của Công ty cổ phần T1 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 000052, ngày 18/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Đàm Thị N số tiền chênh lệnh là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Hà Dương Đ không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyên SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã T. (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự ;
- Lưu
.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến